

Số: 50a/QĐ-PKS

Sơn Kỳ, ngày 21 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thu hồi kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2025 theo Nghị định số 173/NQ-CP của Trường THCS và THPT Phạm Kiệt

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS VÀ THPT PHẠM KIỆT

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng trong “Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học” ban hành kèm theo Thông tư số: 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 826/QĐ-SGDĐT ngày 5/11/2025 của giám đốc Sở giáo dục và đào tạo Quảng Ngãi về việc thu hồi kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2025 theo Nghị định số 173/NQ-CP của Chính phủ;

Xét đề nghị của kế toán trường THCS và THPT Phạm Kiệt.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu hồi kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2025 theo Nghị định số 173/NQ-CP của Chính phủ năm 2025 của trường THCS và THPT Phạm Kiệt theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Hình thức, thời gian và địa điểm công khai: Công khai tại bảng tin của trường trong vòng 30 ngày kể từ ngày quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Ban giám hiệu, hội đồng sư phạm, bộ phận tài vụ, cán bộ công chức viên chức, người lao động trường THCS và THPT Phạm Kiệt căn cứ Quyết định thi hành./.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,KT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Văn Bình

TRƯỜNG THCS VÀ THPT PHẠM KIẾT

Chương: 422

Biểu số 1

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 304/QĐ- PKS ngày 21/11/2025 của trường THCS và THPT Phạm Kiệt)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
	Học phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Chi lương và phụ cấp lương	
	Chi hoạt động chuyên môn, quản lý, sửa chữa	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí nghề PT	
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-194
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-194
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-194
a/	Kinh phí không thường xuyên do NSNN hỗ trợ/ cấp chi thường xuyên	-194
	- Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	
	- Kinh phí hoạt động	-194
b/	Kinh phí không thường xuyên thực hiện chế độ, chính sách giáo dục	0

	Kinh phí hỗ trợ học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo ND 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016	
	Kinh phí thực hiện Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	
	Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo ND 81/2021/NĐ-CP	
	Kinh phí thực hiện chính sách cho giáo viên theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ	
	4 Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	5 Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	6 Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	7 Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	8 Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	9 Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	10 Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	11 Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	

